

Số: /BC-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn quốc gia Tràm Chim

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-UBND-HC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt Đề cương và dự toán Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ ý kiến của: Sở Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 2440/STNMT-CCBVM ngày 11/8/2020); Sở Khoa học và Công nghệ (Công văn số 1050/SKHCN-VP ngày 11/8/2020); Trung tâm Xúc tiến, thương mại, du lịch và Đầu tư (Công văn số 238/XTTMDLĐT-KDLTC ngày 14/8/2020); Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông (Công văn số 1127/UBND-KTN ngày 20/8/2020); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1813/SNN-KL ngày 21/8/2020) và Biên bản cuộc họp số 1980/BB-SNN ngày 11/9/2020 về việc xem xét, góp ý đối với hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Văn bản số 247/TB-VPUBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Hùng tại buổi làm việc với Ban lãnh đạo Vườn quốc gia Tràm Chim về tình hình thực hiện công tác năm 2020 và định hướng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 1074/VPUBND-ĐTXD ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc hoàn chỉnh hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn quốc gia Tràm Chim;

Căn cứ Văn bản số 49/TB-VPUBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Minh Tuấn tại cuộc họp về phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2021-2030;

Tiếp nhận Tờ trình số 153/TTr-VQG ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Vườn quốc gia Tràm Chim về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2030. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn quốc gia Tràm Chim, như sau:

I. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững:

1. Tờ trình số 153/TTr-VQG ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Vườn quốc gia Tràm Chim về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2030.

2. Thuyết minh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn quốc gia Tràm Chim;

3. Các loại bản đồ tỷ lệ 1/25.000, hệ quy chiếu VN2000, gồm:

- Bản đồ hiện trạng rừng năm 2019;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Bản đồ khoán bảo vệ rừng và sinh cảnh đất ngập nước;
- Bản đồ khu rừng có giá trị bảo tồn cao;
- Bản đồ phạm vi, ranh giới các phân khu chức năng giai đoạn 2021-2030;
- Bản đồ định hướng các điểm tuyến du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng giai đoạn 2021-2030;
- Bản đồ vị trí dự kiến trồng cây bản địa và các biện pháp lâm sinh, phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2030;
- Bản đồ quy hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 2021-2030;
- Bản đồ phạm vi, ranh giới bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu;
- Bản đồ phạm vi, ranh giới vùng đệm giai đoạn 2021-2030.

Hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Vườn quốc gia Tràm Chim phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT và Quyết định số 1017/QĐ-UBND-HC.

II. Nội dung Phương án

1. Tên chủ rừng: Vườn quốc gia Tràm Chim

2. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Hiện trạng sử dụng đất, tài nguyên rừng, kết quả quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

3.1. Hiện trạng sử dụng đất, tài nguyên rừng

a) Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất rừng đặc dụng là 7.313,03 ha; trên địa bàn các xã: Phú Thành B (836,19 ha), Phú Hiệp (1.312,93 ha), Phú Đức (1.087,26 ha), Phú Thọ (2.144,55 ha) Tân Công Sinh (1.899,13 ha) và thị trấn Tràm Chim (32,97 ha), huyện Tam Nông.

b) Hiện trạng tài nguyên rừng

Tài nguyên rừng của Vườn Quốc gia Tràm Chim chủ yếu là diện tích rừng tràm trồng, một phần diện tích là Bạch đàn được trồng trên các bờ kênh, bờ đê với diện tích đất có rừng là 2.580,63 ha.

Ngoài ra, Vườn Quốc gia Tràm Chim còn có các loại lâm sản ngoài gỗ như sen, sừng, lúa ma, cỏ năng... phân bố rải rác rừng và các loài thủy sản sinh sống dưới nước gồm các loài cá, các loài lưỡng cư...

3.2. Kết quả quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Quản lý rừng trồng

Trồng rừng thay thế: thực hiện trồng 209,06 ha, trong đó:

- Năm 2015: 100 ha tại khu A5;

- Năm 2017: 102,31 ha tại các khu A2, A3, A4. Sau đó bị thiệt hại do lũ lụt năm 2018 là 22,69 ha.

- Năm 2018: 6,75 ha tại khu A4.

Trồng cây bản địa: trong giai đoạn 2019-2020, triển khai thực hiện dự án bảo tồn cây bản địa tại các phân khu, các loài cây trồng như: Tre gai, Tràm, Cà Na, Bằng lăng nước, Ô môi, Lộc vùng, tổng số lượng khoảng 14.000 cây.

b) Bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm theo quy định. Thành lập Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng, các tổ chuyên môn và củng cố các đội phòng cháy chữa cháy rừng 05 xã/thị trấn vùng đệm. Triển khai kế hoạch trực cắt băng phòng cháy rừng, tạo đường băng trắng phòng cháy lan từ khu vực đồng cỏ vào rừng Tràm, tại phân khu A1, A5, với tổng diện tích là 944,15 ha. Tổ chức cắt cỏ làm giảm khối lượng vật liệu cháy, tạo đường băng trắng phòng cháy lan từ khu vực đồng cỏ vào rừng Tràm, phân khu A1, A4, A5 và đốt cỏ phục hồi bãi năng tạo thức ăn cho Sếu tại phân khu A3, diện tích 9,7 ha. Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy rừng cấp tỉnh với 18,3 ha, với khoảng 179 người tham dự. Phát dọn rong, bèo, lục bình trên các tuyến kênh đảm bảo lưu thông cho đường thủy vận chuyển lực lượng, phương tiện tuần tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, tại phân khu A1, A2, A4, với tổng diện tích 353.548 m². Kiểm tra các cống, đập tràn chống rò rỉ nước nhằm duy trì độ ẩm phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Lắp đặt 12 camera các phân khu xung quanh Vườn phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng nhằm phát hiện sớm được tình trạng người dân xâm nhập và gia súc chăn thả trái pháp luật vào Vườn Quốc gia Tràm Chim để có kế hoạch chỉ đạo, điều hành.

- Đội bảo vệ rừng chuyên trách phối hợp với các đơn vị liên ngành tổ chức công tác tuần tra, ngăn chặn người, gia súc xâm nhập trái phép vào Vườn Quốc gia Tràm Chim. Trong giai đoạn 2015-2019, thực hiện 3.492 lượt tuần tra với 19.723 người tham gia; phát hiện 451 vụ vi phạm với các hành vi chăn thả gia súc, xuyên điện, bẫy chim, lưới, lợp, dón, cửa ngục.

- Từ năm 2015 - 2019, tổng số vụ vi phạm về bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng là 20 vụ. Nguyên nhân chủ yếu là do một số đối tượng vi phạm xâm nhập trái phép gây ra.

c) Quản lý lâm sản ngoài gỗ

Quản lý, bảo vệ các loài sinh vật sinh sống dưới nước như sen, súng, lúa ma, cỏ năng, các loài chim, cá... Tuy nhiên, do địa bàn rộng, xung quanh là hệ thống đường giao thông, kênh mương bao quanh nên việc người dân xâm nhập trái phép vào rừng để khai thác nguồn lợi từ lâm sản ngoài gỗ vẫn còn diễn ra.

d) Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học

Vườn Quốc gia Tràm Chim có thành phần thực vật, động vật tương đối phong phú và đa dạng, với 238 loài thực vật (có 06 loài nằm trong sách đỏ của Việt Nam, là Cà na *Elaeocarpus hygrophilus*, Lúa ma *Oryza rufipogon*, Choại *Stenochlaena palustris*, Ráng chu mô phù *Cyclosorus gongylodes*, Thủy giác *Hydrocera triflora*, Trâm sừng *Syzygium cumini*); có 8 loài cá quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển, chiếm 21,62% tổng số loài cá nước ngọt đang bị đe dọa ở Việt Nam; 03 loài nguy cấp quý hiếm cần được bảo vệ thuộc lớp Thú (như Mèo rừng *Prionailurus bengalensis*, Rái cá vuốt bé *Aonyx cinerea*, Rái cá Lông mượt *Lutrogale perspicillata*); 29 loài lưỡng cư, bò sát thuộc 3 bộ, 11 họ và 25 giống, chiếm 53,7% tổng thành phần loài lưỡng cư, bò sát nước ngọt vùng đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có 8 loài được xếp vào danh mục loài đang bị đe dọa và cần được bảo vệ, chiếm 15% tổng số loài đang bị đe dọa ở Việt Nam như Trăn gấm *Python reticulatus*, Rùa hộp lưng đen *Cuora amboinensis*, Rùa đất lớn *Heosemys grandis*, Cua đinh *Amyda cartilaginea*); lớp chim xác định được 22 loài quý hiếm cần được bảo vệ điển hình (như Sếu đầu đỏ *Crus antigone sappi*, Sẻ đồng ngực vàng *Emberiza aureola*, Cắt lưng hung *Falco tinnunculus*, Cú lợn lưng nâu *Tyto capensis*, Ó cá *Pandion haliaetus*),...

Trong giai đoạn từ năm 2014 - 2019, Vườn Quốc gia Tràm Chim đã thực hiện 31 dự án, đề án, đề tài, kế hoạch nghiên cứu khoa học, với tổng kinh phí hơn 2,9 tỷ đồng, từ nguồn vốn ngân sách để quản lý, nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học trong khu rừng đặc dụng.

Phối hợp với các tổ chức như WWF, APFNet để thực hiện các dự án về tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế của người dân; Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng; Phát triển du lịch sinh thái và sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước ở Vườn Quốc gia Tràm chim vì lợi ích của cộng đồng và đa dạng sinh học; Bảo tồn nước ngọt và tiếp cận nước uống cho các trường học

trong vùng đệm; Quản lý và bảo tồn tài nguyên nước với sự tham gia của cộng đồng ở Việt Nam... với tổng kinh phí hơn 1,8 triệu USD, trong đó vốn tài trợ là 1,712 triệu USD, vốn đối ứng 175.763 USD.

Hàng năm tổ chức các hoạt động giám sát, quản lý các loài động, thực vật rừng như thống kê chim nước, chim sếu, bảo vệ bãi chim, bổ sung thức ăn cho chim sinh sản; thống kê loài thủy sản, xây dựng mẫu tiêu bản các loài thủy sản phục vụ công tác bảo tồn, nghiên cứu khoa học, đồng thời hỗ trợ công tác tuyên truyền, giáo dục; thống kê quần xã thực vật rừng; trồng và chăm sóc cây bản địa; xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, bảo tồn phát triển sinh vật, kiểm soát ngoại lai xâm hại; ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai.

Đồng thời, hoạt động cứu hộ, phát triển sinh vật được tổ chức triển khai thực hiện, trong giai đoạn 2015-2019 đã tiếp nhận cứu hộ các loài động hoang dã cho các tổ chức, cá nhân giao nộp, với tổng số lượng 1.892 cá thể các loại: bò sát, chim, thú và hơn 500kg các loại rắn, rùa. Các loài động vật hoang dã được tiếp nhận là các loài có nguồn gốc từ Vùng Đồng Tháp Mười và tổ chức kiểm tra sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng sẽ được tái thả về tự nhiên theo quy định.

e) Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

Từ năm 2015 - 2019, đã xử lý 571 vụ vi phạm hành chính trong quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng.

f) Phân khu chức năng, vùng đệm của khu rừng đặc dụng

- Hiện trạng các phân khu chức năng: Theo Quyết định số 481/QĐ-UBND-HC ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2013-2020 các phân khu chức năng như sau:

TT	Phân khu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
1	Bảo vệ nghiêm ngặt	4.942,8	67,6
-	Khu A1	4.942,8	67,6
2	Phục hồi sinh thái	2.339,6	32,0
-	Khu A2	1.122,7	15,4
-	Khu A3	44,5	0,6
-	Khu A4	731,9	10,0
-	Khu A5	440,5	6,0
3	Hành chính-dịch vụ	30,6	0,4

TT	Phân khu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
-	Khu C	30,6	0,4
Tổng		7.313,0	100,0

- Vùng đệm: theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND.HC ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm Vườn Quốc gia Tràm Chim thì Vườn Quốc gia Tràm Chim có vùng đệm bên ngoài gồm 13 ấp thuộc 05 xã (Phú Thọ, Phú Thành B, Phú Hiệp, Phú Đức, Tân Công Sính) và 02 khóm thuộc thị trấn Tràm Chim với diện tích 16.858 ha, nằm tiếp giáp ranh giới Vườn Quốc gia Tràm Chim, cụ thể như sau:

- + Xã Phú Thành B: ấp Phú Lâm và Ấp Phú Bình;
- + Xã Phú Hiệp: ấp K10, ấp K11 và ấp K12;
- + Xã Phú Đức: ấp K8, ấp K9 và ấp Phú Xuân;
- + Xã Phú Thọ: ấp Phú Thọ B, ấp Phú Thọ C và ấp Thống Nhất;
- + Xã Tân Công Sính: ấp Cà Dâm và ấp Tân Lợi;
- + Thị trấn Tràm Chim: khóm 2 và khóm 3.

4. Mục tiêu Phương án

4.1. Mục tiêu chung

- Bảo tồn rừng tràm, các hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học;
- Phát triển các dịch vụ du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng địa phương, gắn kết văn hóa lịch sử của vùng;
- Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ công nhân viên Vườn Quốc gia Tràm Chim về quản lý rừng đặc dụng, quản lý hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

4.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

Xác định nguồn tài chính bền vững từ các hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, thuê môi trường rừng, phí, lệ phí; sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học,... để phục vụ trở lại công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển Vườn Quốc gia Tràm Chim, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương trên cơ sở tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư và kể cả hộ dân, huy động đa dạng nguồn lực tài chính, lao động để đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng.

b) Về môi trường

- Bảo vệ rừng tràm, ngăn chặn cháy rừng thông qua biện pháp quản lý chế độ ngập nước hợp lý để góp phần duy trì sinh cảnh của vùng rừng ngập nước phèn Đồng Tháp Mười.

- Xác định chức năng của từng phân khu phù hợp với điều kiện thực tế về các yếu tố tự nhiên và đa dạng sinh học để làm cơ sở thiết lập các biện pháp bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững đất ngập nước và cung cấp các dịch vụ du lịch sinh thái.

c) Về xã hội

- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động có kỹ năng hướng dẫn du lịch, câu lạc bộ đờn ca tài tử tại địa phương; nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Thông qua việc cho thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái sẽ tạo ra công ăn việc làm, thu hút một số hộ dân vùng đệm có xuồng máy, xe điện vào tham gia các hoạt động của du lịch sinh thái, góp phần cải thiện cuộc sống cho lao động địa phương, gắn với hiệu quả kinh doanh du lịch của đơn vị thuê môi trường rừng.

- Nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của chính quyền địa phương và cộng đồng vào các hoạt động bảo vệ phát triển rừng, qua đó nhằm giảm áp lực đối với công tác bảo vệ rừng, bảo tồn Vườn Quốc gia Tràm Chim cũng như sức ép của cộng đồng dân cư sống ở ven khu rừng, hạn chế tình trạng xâm nhập vào rừng trái phép đặt bẫy, săn bắt động vật hoang dã...

- Nâng cao năng lực về quản lý, bảo tồn, nghiên cứu khoa học cho đội ngũ viên chức của Vườn Quốc gia Tràm Chim, nâng cao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng, hệ sinh thái đất ngập nước của các đơn vị thuê môi trường rừng và cộng đồng dân cư trên địa bàn Vườn Quốc gia.

5. Kế hoạch sử dụng đất, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của phương án

5.1. Kế hoạch sử dụng đất, bố trí phân khu chức năng

a) *Ổn định diện tích rừng đặc dụng hiện có là 7.313,03 ha;* trên địa bàn các xã: Phú Thành B (836,19 ha), Phú Hiệp (1.312,93 ha), Phú Đức (1.087,26 ha), Phú Thọ (2.144,55 ha) Tân Công Sính (1.899,13 ha) và thị trấn Tràm Chim (32,97 ha), huyện Tam Nông.

b) Bố trí phân khu chức năng

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 4.627,6 ha, gồm: Khu A1 (Phía Bắc kênh Mười Nhẹ đến kênh An Bình) 4.187,1 ha; khu A5 440,5 ha.

- Phân khu phục hồi sinh thái: 2.601,0 ha, gồm: Khu tam giác (phía Đông Nam kênh Mười Nhẹ đến tiếp giáp phân khu dịch vụ hành chính) 746,4 ha; khu A2 1.122,7 ha; khu A4 731,9 ha.

- Phân khu dịch vụ, hành chính: 84,4 ha, gồm: Khu A3 44,5 ha; khu C 39,9 ha (bao gồm khu hạ tầng trụ sở làm việc của Trung tâm điều hành du lịch từ khu A1 chuyển sang (9,3 ha)).

(Chi tiết tại bản đồ kèm theo Phương án)

5.2. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học

5.2.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Bảo vệ rừng:

Bảo vệ toàn bộ hệ sinh thái rừng tràm hiện có của Vườn Quốc gia là 7.313,03 ha, trong đó diện tích có rừng là 2.580,63 ha.

Nội dung thực hiện chủ yếu:

- Duy trì các trạm quản lý bảo vệ rừng và bố trí lực lượng trực 24/24, thường xuyên tổ chức tuần tra, quản lý bảo vệ rừng.

- Đầu tư và nâng cấp các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng theo Dự án Hạ tầng quản lý và quản lý hệ sinh thái bền vững Vườn Quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt.

b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng

Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm theo quy định đối với toàn bộ diện tích rừng bảo vệ

Nội dung thực hiện:

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Vườn Quốc gia - Kiểm lâm - Công an - Quân sự huyện trong tuần tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Trục cắt băng, giảm vật liệu cháy hàng năm; kiểm tra, sửa chữa hệ thống camera và máy móc, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng; xây dựng hệ thống cấp nước chữa cháy, chòi quan sát phát hiện cháy rừng; hệ thống biển cấm, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng; hệ thống dự báo, cảnh báo cháy rừng và các công trình khác phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Bố trí, sắp xếp nhân lực, máy móc xuống các địa bàn trọng điểm có nguy cơ cháy rừng có thể xảy ra và phân công trực phòng cháy chữa cháy rừng vào các tháng mùa khô.

- Mua sắm công cụ, máy móc, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng.

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

Kiểm soát, ngăn ngừa, kịp thời xử lý sinh vật ngoại lai xâm hại như Mai

duong, Bèo tai chuột nhỏ, Lục bình và các loài ngoại lai khác; phòng trừ sâu, bệnh hại rừng.

Nội dung thực hiện:

- Điều tra, đánh giá tình hình sinh vật gây hại đến môi trường và mức độ đa dạng sinh học; xác định thành phần loài, phân bố, đặc điểm sinh thái của loài sinh vật gây hại

- Xác định các biện pháp, tổ chức thực hiện kiểm soát và diệt trừ hiệu quả.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

Bảo tồn, phát triển, theo dõi, giám sát đa dạng sinh học (động vật, thực vật, hệ sinh thái) có trong Vườn Quốc gia, đặc biệt là các loài bị đe dọa, nguy cấp, đặc hữu, quý hiếm, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học

Nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện quy trình, thủ tục tiếp nhận các loài động vật hoang dã và nâng cao chuyên môn về công tác cứu hộ, chăm sóc thú y. Đầu tư chuồng trại phù hợp với từng nhóm động vật tiếp nhận và khu vực phục hồi chức năng cho các loài nuôi nhốt (dự án Trại Bảo tồn sinh vật).

- Kết hợp với Viện, Trường và ngành thủy sản tiến hành các nghiên cứu giải pháp bảo tồn, phát triển một số loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế, nguy cơ tuyệt chủng cao.

- Bảo tồn các loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu.

- Bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững sinh cảnh đất ngập nước, hệ sinh thái rừng tràm góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển du lịch sinh thái.

- Xây dựng và triển khai dự án bảo tồn Sếu.

- Quản lý và điều tiết thủy văn đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy rừng và bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa Vườn Quốc gia với chính quyền và cộng đồng dân cư để tạo sự đồng thuận cao trong công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đạt mục đích, yêu cầu đề ra.

- Phương án xác định giải pháp thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo các phân khu, cụ thể như sau:

- + **Khu A1:** Là nơi bảo tồn tổng hợp các sinh cảnh đất ngập nước theo mùa làm nơi cư trú, kiếm ăn cho các loài chim nước.

- (i) Duy trì diện tích rừng và diện tích các sinh cảnh ngập nước hiện có thông qua các biện pháp lâm sinh;

- (ii) Điều tiết nước phù hợp để các sinh cảnh đồng cỏ ngập nước theo mùa phát triển (lúa ma, cỏ năng kim và các loài khác);

(iii) Cải thiện môi trường nước để các loài thủy sản cư trú, sinh sản.

+ **Khu A2:** Là nơi bảo tồn rừng tràm, các loài thủy sản và các sinh cảnh khác.

(i) Duy trì diện tích rừng tràm hiện hữu thông qua các biện pháp lâm sinh;

(ii) Điều tiết nước phù hợp để bảo tồn sinh cảnh rừng tràm và các loài khác;

(iii) Cải thiện môi trường nước để các loài thủy sản cư trú, sinh sản.

+ **Khu A3, C:** Là nơi bảo tồn, tái tạo toàn bộ các sinh cảnh đặc trưng phục vụ công tác phát triển du lịch sinh thái

(i) Xây dựng khu chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã bản địa;

(ii) Thực hiện tốt công tác điều tiết nước để tái tạo các sinh cảnh đặc trưng.

+ **Khu A4, A5:** Là nơi bảo tồn các sinh cảnh đồng cỏ ngập nước theo mùa phù hợp với môi trường sống của các loài chim nước.

(i) Điều tiết nước phù hợp để bảo tồn các sinh cảnh Năng kim, Hoàng đầu ẩn, Nhĩ cán tím.... và các loài khác;

(ii) Cải thiện môi trường, phục hồi các bãi ăn tự nhiên cho các loài chim nước trong đó có sếu đầu đỏ.

5.2.2. Kế hoạch phát triển rừng

Phương án xác định toàn bộ diện tích rừng tràm trong Vườn Quốc gia tương đối ổn định, trong giai đoạn 2021-2030, chỉ thực hiện trồng, chăm sóc một số loài cây bản địa trên các tuyến bờ đê.

5.2.3. Kế hoạch khai thác lâm sản

- Tiếp tục khai thác cây bạch đàn trồng trên các tuyến đê bao theo Công văn số 72/UBND-KTN ngày 04 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thông báo số 12/TB-VPUBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Thanh Hùng tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020.

- Xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng khôn khéo “lâm sản ngoài gỗ”, nguồn lợi thủy sản (cá) có sự tham gia của cộng đồng.

5.2.4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

Nghiên cứu nắm được các quy luật tự nhiên, các mối quan hệ giữa các nhân tố sinh thái phát sinh, tác động tự nhiên - xã hội đến hệ động, thực vật rừng và môi trường sinh thái nhằm phục vụ công tác bảo tồn bền vững đa dạng sinh học, các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, đe dọa và nguy cấp; xây dựng các biện pháp khôi phục và phát triển tài nguyên rừng, các sinh cảnh đất ngập nước và bảo vệ cảnh quan môi trường.

Tăng cường năng lực công tác cho lực lượng Vườn Quốc gia, thực hiện hiệu quả công tác quản lý bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phát triển du

lịch sinh thái bền vững.

Nội dung thực hiện:

- Nghiên cứu quản lý và điều tiết thủy văn và giám sát đa dạng sinh học; quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

- Thực hiện các hoạt động thuộc Dự án “Trình diễn kế hoạch quản lý hệ sinh thái rừng tổng hợp trong tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (Tràm Chim, Việt Nam)” giai đoạn 2019-2022 do Tổ chức APFNet tài trợ.

- Kết hợp với Viện, Trường và Sở, ngành có liên quan nghiên cứu giải pháp bảo tồn, phát triển Sếu, một số loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế, nguy cơ tuyệt chủng cao; bảo tồn hệ sinh cảnh đặc trưng; cải tạo, phục hồi quần thể lúa ma.

- Đào tạo, nâng cao trình độ nguồn nhân lực: Bậc sau đại học các chuyên ngành hành chính công, xây dựng, môi trường, thú y, thủy sản, lâm nghiệp,...

- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý bảo vệ và phát rừng; truyền thông giáo dục môi trường cho cộng đồng dân cư về bảo tồn đa dạng sinh học; nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; kỹ năng đàm phán với cộng đồng dân cư xung quanh Vườn; kỹ năng viết dự án, đề án trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái; công tác cứu hộ, gây nuôi động vật hoang dã, lưỡng cư, bò sát; kỹ năng giám sát chim nước, thủy sản, lưỡng cư, bò sát; quản lý giám sát tài nguyên, thiên nhiên; Kỹ năng quản lý phát triển du lịch sinh thái...

- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về mô hình quản bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý bảo vệ và phát rừng; phát triển du lịch sinh thái.

5.2.5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a) Các tuyến điểm du lịch dự kiến

- Tuyến 1: từ Khu đón khách - Trạm C4 - Trạm Trung tâm và ngược lại. Tổng chiều dài 21 km. Thời gian đi và về khoảng 4 giờ.

- Tuyến 2: từ Trạm C4 - Kênh Mười Nhẹ - Trạm Trung tâm và ngược lại. Tổng chiều dài 10 km. Thời gian đi và về khoảng 4 giờ.

- Tuyến 3: từ Khu đón khách - Kênh Mười Nhẹ - Trạm Trung tâm - Trạm C4 - về lại Khu đón khách. Tổng chiều dài 21 km. Thời gian đi và về khoảng 4 giờ.

- Tuyến 4: từ Khu đón khách - Trạm C4 và ngược lại. Tổng chiều dài 10 km. Thời gian đi và về khoảng 2 giờ.

- Tuyến 5: từ Trạm C4 - Kênh Mười Nhẹ - Trạm Trung tâm - Trạm C4. Tổng chiều dài 10 km. Thời gian đi và về khoảng 3 giờ.

b) Cho thuê môi trường rừng

Dự kiến các điểm, khu vực cho thuê môi trường rừng bao gồm: khu vực Bến tàu cầu vượt, Khu vực Trạm C4, Tuyến Cây Gừa, Ao trữ nước số 33, khu A3 và khu C. Tổng diện tích dự kiến cho thuê là 93,6 ha, cụ thể như sau:

- Khu tam giác: 12 ha (phía Đông Nam kênh Mười Nhẹ đến tiếp giáp phân khu dịch vụ hành chính)
 - + Khu vực Bến tàu cầu vượt: 2,9 ha
 - + Khu vực trạm C4 (điểm dừng chân): 9,1 ha
- Khu A2: 36,3 ha
 - + Tuyến cây Gừa (Khu vực từ Trạm A3 đến Trạm kênh Cụt (phía kênh Nông Trường): 28,7 ha
 - + Ao trữ nước số 33 (Gần bãi chim sinh sản): 7,6 ha
- Khu A3 (khu Bảo tồn và phát triển sinh vật và kết hợp với DLST): 40,0 ha
- Khu C: 5,3 ha
 - + Khu đối diện khu đón khách: 2,6 ha
 - + Khu vực nhà nghỉ: 2,7 ha

c) *Các phương thức tổ chức thực hiện bao gồm:* Tự tổ chức; liên kết với các tổ chức, cá nhân và cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

d) *Dự kiến một số loại dịch vụ du lịch sinh thái*

- Tham quan cảnh quan sinh thái bằng đường thủy và đường bộ (xe ô tô điện, xe đạp địa hình, tàu máy, tàu điện, xuồng kéo...);
- Dịch vụ ẩm thực, giải khát, quà lưu niệm, đặc sản và các gian hàng OCOP tại các điểm đón khách, dừng chân;
- Dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng (nhà nghỉ, homestay, bungalow);
- Dịch vụ xem chim, tìm hiểu về các loài chim;
- Dịch vụ tham quan theo mùa hoặc quanh năm như: tham quan làng nghề (khô, kiệu); xem chim sinh sản; tham quan hoa Hoàng đầu ấn, hoa Nhĩ cán tím;
- Các dịch vụ trải nghiệm (mùa nước nổi; trải nghiệm làm nông dân; mô hình nuôi ong lấy mật; dịch vụ săn chuột đồng, dỡ chà chuột;
- Các dịch vụ khám phá cảnh quan thiên nhiên và các trò chơi dân gian, mạo hiểm, trò chơi dưới nước...

5.2.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

Để thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, kết hợp với phát triển du lịch sinh thái; tạo điều kiện đi lại thuận lợi, nơi sinh hoạt tương đối đầy đủ tiện nghi cho lực lượng bảo vệ rừng.

Trong giai đoạn 2021-2030, Vườn Quốc gia Tràm Chim kiến nghị cần đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ cho quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, như sau:

- Xây dựng 04 Cầu BTCT tải trọng 5 tấn tại Trạm C1 rộng 5 mét giả gỗ
- Xây dựng Hệ thống nước sạch (nước ngầm) tại trạm Phú Đức 1
- Xây dựng đường Đal: 30.080 m
- Xây dựng 02 Trạm bảo vệ rừng và 02 Đài quan sát bê tông cốt thép
- Xây dựng trạm cấp nước (giếng khoan) Kênh số 1
- Nạo vét kênh: 5.240 m
- Cầu treo dây văng: 2 Cái
- Xây dựng 1 điểm dừng chân
- Xây dựng 01 Trạm bơm điện (2 máy) gần Trạm Lung Bông II
- Xây dựng 02 Cống điều tiết nước
- Cải tạo 01 Đập tràn thành Cống hộp cấp, thoát nước bê tông cốt thép

5.2.7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

- Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng: tham gia nhóm dịch vụ vận chuyển, giới thiệu cho du khách các kiến thức bản địa về sử dụng tài nguyên trong cuộc sống hàng ngày như các dịch vụ về ẩm thực và các dịch vụ gắn với văn hóa bản địa (trải nghiệm làm nông dân, trải nghiệm làng nghề, đờn ca tài tử...).

- Hình thức tổ chức thực hiện: người dân được tuyển chọn tham gia các dịch vụ sẽ được đào tạo, tập huấn, sau đó ký hợp đồng để tham gia các dịch vụ về du lịch sinh thái, qua đó người dân nhận thức rõ việc giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

5.2.8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

a) Các dịch vụ được tiến hành

- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng
- Cho thuê dịch vụ môi trường rừng
- Các dịch vụ môi trường rừng khác theo quy định

b) Tổ chức, triển khai thực hiện

Thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; Quyết định số 466/QĐ-UBND.HC ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Đồng Tháp và các quy định hiện hành.

Đối với dịch vụ điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống, hằng năm Vườn Quốc gia Tràm Chim tiếp nhận tiền chi trả từ Ban quản lý Dự án trồng rừng (thực hiện nhiệm vụ Quỹ bảo vệ phát triển rừng tỉnh).

Đối với dịch vụ bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học cho hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch, hiện nay chỉ có Khu du lịch Tràm Chim (thuộc Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư Tỉnh) thực hiện khai thác sử dụng dịch vụ môi trường rừng của Vườn Quốc gia Tràm Chim để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Vườn Quốc gia Tràm Chim thực hiện hợp đồng chi trả trả tiếp đối với đơn vị trên theo quy định, với mức chi trả hiện là 1% trên tổng doanh thu du lịch trong kỳ thanh toán.

5.2.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

Thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục để nhân dân địa phương hiểu rõ đích thực các giá trị của tài nguyên sinh vật, cảnh quan, môi trường của hệ sinh thái rừng, các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường; Góp phần hỗ trợ việc làm ổn định cho dân cư; nâng cao nhận thức được việc phòng cháy, chữa cháy rừng là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân, toàn xã hội. Đồng thời ký cam kết với các hộ dân hiện đang sống trong và ven khu rừng về công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

Hằng năm, thực hiện các nhiệm vụ như: Lập kế hoạch tổ chức, triển khai các lớp tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho người dân địa phương và khách du lịch; in ấn các tài liệu dưới dạng các loại áp phích tranh tuyên truyền phát đến trường học, từng hộ dân sống trên vùng đệm; tổ chức các cuộc thi vẽ tranh, viết truyện về giá trị tài nguyên thiên nhiên của Vườn Quốc gia trong các trường học trên địa bàn; trang bị dụng cụ phục vụ công tác tuyên truyền; mở các lớp huấn luyện cho lực lượng bảo vệ rừng sử dụng các trang thiết bị chữa cháy rừng.

5.2.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

a) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng

- Về diện tích rừng: Kết quả bảo vệ diện tích rừng hiện có, những biến động, các nguyên nhân và hiệu quả của công tác quản lý, bảo vệ rừng.
- Kết quả hoạt động về phòng cháy, chữa cháy rừng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng trong mùa khô hàng năm.

b) Giám sát đa dạng sinh học

- Biến động về thành phần, số lượng loài thực vật, động vật rừng chủ yếu
- Tình hình cải thiện chất lượng rừng thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học.

c) Giám sát về việc sử dụng tài nguyên rừng

- Giám sát việc khai thác các tiềm năng tự nhiên, môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái: Việc xây dựng các hạng mục công trình, công tác tuyên truyền giáo dục, thực hiện các quy định về quản lý xây dựng, tránh gây những

tổn hại tới cảnh quan, môi trường, các loại hình, sản phẩm du lịch mang hiệu quả kinh tế cao...

- Giám sát những tác động kinh tế xã hội của cộng đồng dân cư sống quanh khu rừng và vùng đệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và các hoạt động bảo tồn; khả năng nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với công tác bảo tồn.

d) Điều tra, kiểm kê rừng

Thực hiện công tác điều tra cập nhật để theo dõi diễn biến tài nguyên rừng hàng năm và kiểm kê rừng định kỳ 05 năm 01 lần nhằm điều chỉnh các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các hoạt động sử dụng rừng, đảm bảo mục tiêu phát triển rừng bền vững.

6. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

6.1. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho Phương án quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2021 - 2030 là 563.885 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Phân kỳ đầu tư như sau:

Giai đoạn đầu tư/Năm đầu tư	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ %
Giai đoạn 2021-2025	321.827	57,1
2021	88.864	15,8
2022	51.368	9,1
2023	69.870	12,4
2024	64.107	11,4
2025	47.617	8,5
Giai đoạn 2026-2030	242.057	42,9
Tổng vốn đầu tư (làm tròn)	563.885	100,0

b) Phân theo hạng mục đầu tư:

TT	Nội dung hạng mục đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)		
		2021-2025	2026-2030	Tổng
A	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	45.409	49.950	95.359
1	Kinh phí tự chủ	24.992	27.491	52.482

TT	Nội dung hạng mục đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)		
		2021-2025	2026-2030	Tổng
2	Kinh phí không tự chủ	20.417	22.459	42.876
B	Các chương trình đầu tư	236.918	144.608	381.526
1	Các hoạt động bảo tồn và phát triển sinh vật	27.665	20.850	48.515
2	Dự án Bảo tồn và phát triển sinh vật đặc trưng ở phân khu A3 Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025	38.140	6.500	44.640
3	Dự án: Hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững VQG Tràm Chim giai đoạn 2021-2025	84.302	95.347	179.649
4	Dự án Xây dựng các hạng mục PCCCR ở phân khu A5	5.600		5.600
5	Công tác tuần tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm	12.821	16.910	29.731
6	Dự án phát triển du lịch Tràm Chim (2021-2023)	7.891		7.891
7	Vốn đầu tư cho DLST, nghỉ dưỡng, giải trí	60.500	5.000	65.500
C	Các dự án từ nguồn kêu gọi tài trợ trong và ngoài nước	39.500	47.500	87.000
1	Dự án quy hoạch và trình diễn quản lý tổng hợp hệ sinh thái rừng tại tiểu vùng sông Mê Kông khu vực VQG Tràm Chim (APF Net)	7.000		7.000
2	Dự án hỗ trợ phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái đặc hữu ở VQG Tràm Chim gắn với yếu tố biến đổi khí hậu	15.000	20.000	35.000
3	Dự án hỗ trợ phát triển các mô hình sinh kế gắn với phát triển du lịch bền vững cho dân cư vùng đệm VQG Tràm Chim	10.000	15.000	25.000

TT	Nội dung hạng mục đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)		
		2021-2025	2026-2030	Tổng
4	Chương trình hỗ trợ công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng VQG Tràm Chim	5.000	7.500	12.500
5	Chương trình hỗ trợ công tác tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ, viên chức trong hoạt động của VQG Tràm Chim	2.500	5.000	7.500
	Tổng vốn đầu tư (Làm tròn)	321.827	242.057	563.885

6.2. Nguồn vốn đầu tư

TT	Nguồn vốn	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)		
		2021-2025	2026-2030	Tổng
1	Nguồn vốn sự nghiệp	188.196	183.057	371.254
2	Nguồn vốn đầu tư công (Xây dựng cơ bản)	51.631	6.500	58.131
3	Nguồn vốn thu dịch vụ và XHH	42.500	5.000	47.500
4	Nguồn vốn tài trợ	39.500	47.500	87.000
	Tổng (làm tròn)	321.827	242.057	563.885

(Chi tiết theo phụ lục của Phương án)

7. Hiệu quả của phương án

7.1. Hiệu quả về kinh tế

Nhằm tạo ra nguồn thu ổn định từ việc khai thác kinh doanh các dịch vụ từ rừng và môi trường rừng, hệ sinh thái rừng tràm ngập nước để phục vụ trở lại công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Tràm Chim, góp phần phát triển kinh tế-xã hội địa phương trên cơ sở tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư và kể cả hộ dân, huy động đa dạng nguồn lực tài chính, lao động để đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng, khai thác chế biến các sản phẩm phụ từ rừng.

7.2. Hiệu quả về xã hội

- Thu hút các hộ dân vùng đệm vào tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, du lịch sinh thái, đầu tư thực hiện các

mô hình phục hồi hệ sinh thái rừng tràm nhằm bảo tồn đa dạng sinh học và tạo ra sản phẩm nhằm ổn định đời sống cho cộng đồng dân cư sống chủ yếu dựa vào rừng.

- Thông qua việc cho thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái sẽ tạo ra công ăn việc làm, góp phần cải thiện cuộc sống cho lao động làm nghề rừng ở địa phương, gắn với hiệu quả kinh doanh du lịch của đơn vị thuê môi trường rừng.

- Nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của chính quyền các địa phương và cộng đồng vào các hoạt động bảo vệ phát triển rừng của Vườn Quốc gia Tràm Chim, qua đó nhằm giảm áp lực đối với công tác bảo tồn Vườn Quốc gia Tràm Chim như sức ép của cộng đồng dân cư sống ở ven khu rừng vào rừng trái phép đặt bẫy, chần thả gia súc, săn bắt động vật hoang dã...

- Thông qua thực thi Phương án sẽ góp phần nâng cao năng lực về quản lý, bảo tồn, nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ Vườn Quốc gia Tràm Chim, nâng cao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng, hệ sinh thái đất ngập nước của các đơn vị thuê môi trường rừng và cộng đồng dân cư trên địa bàn rừng đặc dụng.

7.3. Hiệu quả về môi trường

- Bảo tồn được các sinh cảnh đất ngập nước theo mùa làm nơi cư trú, kiếm ăn các loài chim nước (Khu A1);

- Bảo tồn rừng tràm, bảo tồn các loài thủy sản và các sinh cảnh đồng cỏ khác (Khu A2);

- Bảo tồn các sinh cảnh đồng cỏ ngập nước theo mùa phù hợp với môi trường sống của loài chim nước và Sếu đầu đỏ (Khu A4, A5);

- Xây dựng khu chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã bản địa, tái tạo toàn bộ các sinh cảnh đặc trưng của Vườn Quốc gia Tràm Chim phục vụ công tác phát triển du lịch sinh thái...

8. Kết luận

Nội dung Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn quốc gia Tràm Chim xây dựng theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT, thể hiện được cơ bản các nội dung công việc, kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2021-2030. Quá trình thực hiện Phương án, kiến nghị Vườn Quốc gia Tràm Chim xây dựng dự án, đề án, kế hoạch, hồ sơ thiết kế,... theo quy định của pháp luật cho từ hạng mục cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Riêng về phần nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 736/SNN-KHTC ngày 29 tháng 03 năm 2021 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến về cơ cấu nguồn vốn Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn Quốc gia Tràm Chim, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 980/SKHĐT-NV ngày 13/5/2021 về

ý kiến nguồn vốn thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Vườn quốc gia Tràm Chim (*đính kèm văn bản*).

Theo Nghị quyết số 330/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý và phân bổ (lần 2) gồm:

- Dự án Hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025 dự kiến cân đối 65 tỷ đồng thực hiện dự án (trong đó đề nghị ngân sách Trung ương 50 tỷ đồng, ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý và phân bổ là 15 tỷ đồng);

- Dự án Bảo tồn và phát triển sinh vật đặc trưng ở phân khu A3 Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025 dự kiến cân đối 34 tỷ đồng thực hiện dự án, từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý và phân bổ;

- Dự án phát triển khu du lịch Tràm Chim dự kiến cân đối 07 tỷ đồng thực hiện dự án, từ nguồn vốn xổ số kiến thiết.

Ngoài ra, dự kiến bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Dự án Xây dựng các hạng mục phòng cháy chữa cháy rừng ở phân khu A5 dự kiến cân đối 05 tỷ đồng thực hiện dự án, từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý và phân bổ.

Vườn quốc gia Tràm Chim là khu Ramsa có tầm quan trọng bảo tồn đa dạng sinh học được quốc tế công nhận. Do đó, nhu cầu kinh phí thực hiện các hạng mục theo phương án là cần thiết. Trên cơ sở nhu cầu vốn để thực hiện tốt phương án, Vườn quốc gia Tràm Chim hàng năm sẽ sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và kinh phí hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để triển khai thực hiện.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- GD và PGD Sở;
- VQG Tràm Chim;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, KHTC (Khương)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thành Ngươn